|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /NQ-HĐND | *Quảng Trị, ngày 09 tháng 12 năm 2020* |

**DỰ THẢO 1**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ   
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008, Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số 5501/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt tổng chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc và hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, sự nghiệp của tỉnh Quảng Trị năm 2021

1. Biên chế hành chính: 1.756 chỉ tiêu.

2. Số người làm việc: 16.074 chỉ tiêu, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 13.287 chỉ tiêu;

- Sự nghiệp y tế: 1.966 chỉ tiêu;

- Sự nghiệp văn hóa - thể thao: 333 chỉ tiêu;

- Sự nghiệp khác: 488 chỉ tiêu.

3. Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 199 chỉ tiêu, trong đó:

- Trong cơ quan hành chính: 103 chỉ tiêu;

- Trong đơn vị sự nghiệp công lập: 96 chỉ tiêu.

4. Biên chế trong các tổ chức hội: 71 chỉ tiêu.

5. Hợp đồng lao động (nguồn ngân sách địa phương): 56 chỉ tiêu.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Nhiệm vụ, giải pháp

1. Chính sách đối với việc cắt giảm 38 chỉ tiêu hợp đồng 68 (19 nhân viên lái xe, 13 nhân viên phục vụ, 04 nhân viên điện nước, 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên kỹ thuật) trong cơ quan, tổ chức hành chính do tinh giản biên chế:

Việc cắt giảm và thực hiện các chế độ chính sách đối với hợp đồng 68 trong cơ quan, tổ chức hành chính được thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong thời gian chưa cắt giảm, những trường hợp hợp đồng 68 kể trên tiếp tục được hưởng lương và các chế độ chính sách như hiện hưởng, kinh phí chi trả từ nguồn ngân sách.

Sau khi thực hiện việc chấm dứt hợp đồng 68, trường hợp các cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động phục vụ, bảo vệ, điện nước, nhân viên kỹ thuật thì căn cứ quy định tại Luật Lao động số 10/2012/QH13 và các văn bản liên quan để thực hiện việc ký hợp đồng lao động, kinh phí chi trả cho hợp đồng lao động từ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Đối với những trường hợp hợp đồng 68 cắt giảm không được hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định, ngoài chế độ, chính sách hiện hành được hưởng thì được hỗ trợ thêm 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội, kinh phí chi trả từ nguồn ngân sách địa phương.

2. Đối với các cơ quan có các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác nhưng không được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo Thông tư 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ. Khi chưa có quy định về đơn giá khoán thì thực hiện giao kinh phí ổn định như hiện nay để các cơ quan, đơn vị thuê xe phục vụ công tác.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Tỉnh ủy và Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh về ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, bản, khu phố; cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, gắn với tinh giản biên chế.

4. Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tinh giản biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022 - 2025, trong đó xác định tỷ lệ cắt giảm số người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước của từng đơn vị tối thiểu là 10% so với số người làm việc được giao năm 2021 theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và Quyết định 1322/QĐ-UBND.

Kịp thời giải quyết chế độ chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế.

5. Hoàn thành việc phê duyệt vị trí việc làm các cơ quan hành chính theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện việc tuyển dụng kịp thời đội ngũ công chức, viên chức còn thiếu theo đúng quy định.

6. Đẩy mạnh rà soát, cân đối, điều chỉnh hợp lý biên chế từ nơi thừa đến nơi thiếu giữa các sở, ban, ngành, huyện, thành phố, thị xã, để cơ cấu lại hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đúng định mức quy định, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, gắn với tinh giản biên chế.

7. Các huyện, thị xã, thành phố tìm giải pháp khuyến khích mở thêm các trường mầm non, phổ thông ngoài công lập, để giảm số lượng học sinh trong các trường công lập. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi một số trường mầm non và trường trung học phổ thông công lập sang loại hình đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chuyển ra ngoài công lập để dành biên chế bổ sung cho những vùng khó khăn, nhằm thực hiện có hiệu quả việc tinh giản biên chế theo đúng quy định trong giai đoạn 2020 - 2025.

8. Không thực hiện việc ký hợp đồng lao động đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là công chức trong các cơ quan hành chính hoặc là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và y tế không thực hiện hợp đồng lao động trên 12 tháng đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là viên chức hưởng lương ngân sách trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo chi thường xuyên hoặc một phần chi thường xuyên.

9. Thủ trưởng các cơ quan có đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công, kèm định mức kinh tế kỹ thuật, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần và Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các sai sót trong sử dụng biên chế, số người làm việc, trong tuyển dụng công chức, viên chức và hợp đồng lao động.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiên

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;  - TVTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;  - Đoàn ĐBQH, TAND, VKSND tỉnh;  - VPTU, VPHĐND, VPUBND tỉnh;  - Sở, ban, ngành cấp tỉnh;  - TTHĐND, UBND, UBMTTQ cấp huyện;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Đài PT - TH tỉnh, Báo Quảng Trị;  - Công báo tỉnh;  - Lưu: VT, HĐND-PC. | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Quang** |